

Số: /QĐ-BCĐ Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 Pfizer và Moderna
được Bộ Y tế cấp đợt 83, 90, 91 và 92**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19 TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ về việc mua và sử dụng vắc xin phòng COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 1210/QĐ-BYT ngày 09/12/2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch tiếp nhận, phân phối và sử dụng vắc xin phòng chống COVID-19 giai đoạn 2021-2022 do COVAX Facility hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 năm 2021-2022;

Căn cứ Quyết định 1556/QĐ-VSDTTU ngày 19/11/2021 của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 90, 91 và 92;

Căn cứ Quyết định 1508/QĐ-VSDTTU ngày 12/11/2021 của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19 đợt 83;

Căn cứ Công văn số 2645/VSDTTU-TCQG ngày 19/11/2021 của Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương về việc điều chuyển 309.930 liều vắc xin Comirnaty (Pfizer) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP. Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2764/QĐ-BCĐ ngày 21/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 520/TTr-SYT ngày 23/11/2021 về việc phân bổ vắc xin phòng COVID-19.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 70.080 liều vắc xin phòng COVID-19 Comirnaty (Pfizer) và 49.980 liều vắc xin phòng COVID-19 Spikevac (Moderna) được Bộ Y tế cấp đợt 83, 90, 91 và 92 cho 12 huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở tiêm chủng trên địa bàn thực hiện cấp phát, tiếp nhận và tổ chức triển khai tiêm chủng miễn phí cho các đối tượng ưu tiên theo qui định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 năm 2021-2022, cụ thể như sau:

1. Tiêm mũi 1 cho người dân từ 18 tuổi trở lên trên địa bàn và chưa từng tiêm bất cứ loại vắc xin phòng COVID-19 nào.

2. Yêu cầu các địa phương, đơn vị triển khai ngay tiêm hết số vắc xin được cấp **trước ngày 30/11/2021.**

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Giám đốc Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Ban điều hành TCMR QG;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- MTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX(01).Ph(20).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Minh Hùng**

**PHÂN BỐ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 PFIZER VÀ MODERNA
CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày /11/2021 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh)

TT	Địa phương, đơn vị	Tổng số người ≥ 18 tuổi	Số người ≥ 18 tuổi đã được tiêm vắc xin	Tỷ lệ % người ≥ 18 tuổi đã được tiêm	Số lượng vắc xin Pfizer được cấp		Số lượng vắc xin Moderna được cấp		Tổng số liều vắc xin được cấp
					Số lọ	Số liều	Số lọ	Số liều	
1	TP Chí Linh	132177	69122	52.30	2360	14160	357	4998	19158
2	Nam Sách	94801	67255	70.94	870	5220	357	4998	10218
3	TX Kinh Môn	129313	96854	74.90	382	2292	357	4998	7290
4	Tp Hải Dương	213455	218344	102.29	500	3000	0	0	3000
5	Kim Thành	102555	81439	79.41	750	4500	357	4998	9498
6	Cầm Giàng	109523	106820	97.53	600	3600	357	4998	8598
7	Gia Lộc	91483	62590	68.42	850	5100	357	4998	10098
8	Tứ Kỳ	123886	74815	60.39	1088	6528	357	4998	11526
9	Ninh Giang	97031	82175	84.69	500	3000	0	0	3000
10	Bình Giang	88555	56569	63.88	980	5880	357	4998	10878
11	Thanh Miện	104380	63423	60.76	1080	6480	357	4998	11478
12	Thanh Hà	111768	64766	57.95	1220	7320	357	4998	12318
13	BV Phụ sản				165	990			990
14	BVĐK tỉnh				80	480			480
15	CDC				255	1530			1530
		1.398.927	1.044.172	74,64	11.680	70.080	3.570	49.980	120.060